

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2023

“Về tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Mai Thị Hoa.

2- Ông Trịnh Thế Phương Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 46/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Lê Phương T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số 359/2 ấp Bình Cang 2, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 274/5 ấp Bà Phồ, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà T và ông B đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13-02-2023, nguyên đơn là bà Phan Lê Phương T trình bày: Bà T và ông Nguyễn Ngọc B tự nguyện xác lập hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An vào ngày 30-01-2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông B không phụ giúp kinh tế gia đình, không quan B chăm sóc vợ con mà còn gây nợ bà T phải gánh trả, vợ chồng không đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng thường xuyên cự cãi, xung

đột mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng và vợ chồng đã sống ly thân 02 năm không thể hàn gắn được. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông B. Về con chung, bà T và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc P sinh ngày 30-11-2010 và Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 04-8-2013, hiện đang do bà T chăm sóc. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con vì bà T có đủ khả năng. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản khai nội dung sự việc ghi ngày 17 tháng 3 năm 2023, bị đơn là ông Nguyễn Ngọc B trình bày: Ông B và bà T quen biết nhau và tự nguyện kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Quá trình chung sống giữa ông B và bà T không có mâu thuẫn, do thu nhập không ổn định nên ông B không phụ giúp kinh tế cho vợ, ông B có gây nợ và bà T phải trả nợ thay ông B. Khoảng tháng 07 năm 2021 bà T cùng 02 con về nhà cha mẹ ruột sinh sống, gia đình ông B có đến động viên nhưng bà T không trở về, từ đó đến nay ông B và bà T mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn quan B giúp đỡ cho nhau. Ông B không đồng ý ly hôn với bà T và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con chung. Về con chung, trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc Phương N, giao bà T nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc P, các bên không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã hòa giải nhưng vợ chồng không đoàn tụ được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện bà Phan Lê Phương T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc B nhưng ông B không đồng ý nên xác định tranh chấp giữa bà T và ông B là tranh chấp về ly hôn. Căn cứ theo Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của các đương sự và tài liệu đã thu thập xác định hôn nhân giữa bà T và ông B là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An vào ngày 30-01-2009. Thời gian đầu sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông B không quan B phụ giúp kinh tế gia đình mà còn gây nợ bà T phải gánh trả, vợ chồng thường bất

đồng quan điểm. Mâu thuẫn, xung đột giữa vợ và chồng ngày càng nghiêm trọng, tháng 07 năm 2021 bà T về bên cha mẹ ruột sinh sống đến nay và vợ chồng không hàn gắn được. Quá trình hòa giải ông B không đồng ý ly hôn với bà T nhưng trong đơn xin vắng mặt của ông B đề ngày 29-4-2023 thì ông B trình bày ý kiến là ông đồng ý ly hôn với bà T và đồng ý giao bà T trực tiếp nuôi 02 con chung. Như vậy hôn nhân giữa bà T và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn với ông B.

[3] Về nuôi con chưa thành niên: Bà T và ông B có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc P sinh ngày 30-11-2010 và Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 04-8-2013, hiện đang do bà T chăm sóc. Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và ông B đồng ý giao bà T trực tiếp nuôi 02 con chung. Vì vậy căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao bà T trực tiếp nuôi 02 con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên bà T đã từ chối việc cấp dưỡng nuôi con của ông B, do đó không buộc ông B phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông B trình bày không có tài sản chung, nợ chung. Trong quá trình Tòa án giải quyết không có ai yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu 300.000 đồng án phí về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều: 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Lê Phương T đối với ông Nguyễn Ngọc B.

Về hôn nhân: Bà Phan Lê Phương T được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc B.

Về nuôi con chung: Giao bà Phan Lê Phương T trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Ngọc P sinh ngày 30-11-2010 và Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 04-8-2013. Ông Nguyễn Ngọc B không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Lê Phương T phải chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0002930 ngày 23-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa. Bà Phan Lê Phương T đã nộp đủ án phí.

3- Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- UBND xã Bình Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Quốc Tiến